

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 677/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 19 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Chiến lược phát triển xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 17/2010/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết xây dựng Chiến lược phát triển xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương (tại Tờ trình số 24/TTr-SCT ngày 13 tháng 4 năm 2011 về việc phê duyệt dự án Chiến lược phát triển xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020) và biên bản họp Hội đồng thẩm định quy hoạch ngày 28 tháng 11 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Chiến lược phát triển xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020, với nội dung cụ thể như sau:

I. Quan điểm và mục tiêu của chiến lược

1. Quan điểm:

- Phát triển xuất khẩu phải đảm bảo phát triển bền vững. Ưu tiên cao cho xuất khẩu để tăng kim ngạch xuất khẩu nhằm thúc đẩy tăng trưởng GDP.

- Chủ động hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới theo kế hoạch tổng thể và lộ trình cũng như các bước đi hợp lý, phù hợp với quy định của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Phát huy nội lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xuất khẩu. Gắn xuất khẩu với khai thác thị trường trong nước, ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất, sử dụng hợp lý nguồn nguyên liệu tại chỗ gắn với khai thác từ bên ngoài để phát triển sản xuất, thu hút lao động, tăng thu ngoại tệ; Gắn kết thị trường trong nước với thị trường ngoài nước, giữ vững các thị trường lớn, trọng điểm đồng thời đa dạng hoá hơn nữa thị trường xuất khẩu để tránh lệ thuộc, rủi ro trong xuất khẩu.

- Phát triển xuất khẩu gắn kết với phát triển đa dạng về loại hình doanh nghiệp, khai thác tối đa tiềm năng của mọi thành phần kinh tế trong hoạt động xuất khẩu nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp.

2. Mục tiêu:

- Phát triển xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng mà tinh có lợi thế cạnh tranh, đồng thời tích cực phát triển các mặt hàng khác có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu chủ lực mới.

- Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, tăng sản phẩm chế biến, chế tạo thông qua việc đầu tư cho sản xuất mặt hàng xuất khẩu địa phương.

- Củng cố, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; chủ động và tích cực tham gia vào chuỗi giá trị hàng hóa toàn cầu nhằm tăng năng lực sản xuất và xuất khẩu hàng hóa.

II. Các chỉ tiêu cụ thể

1. Quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu:

- Xuất khẩu hàng hóa: Nhịp độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 21,38%/năm, trong đó, giai đoạn 2011-2015 tăng 23,90%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng 19,40%/năm. Giá trị tăng từ 120 triệu USD năm 2010 lên 350,0 triệu USD vào năm 2015 và 850,0 triệu USD vào năm 2020 gấp 7,08 lần năm 2010.

- Xuất khẩu dịch vụ: Nhịp độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 28,5%/năm. Giá trị xuất khẩu dịch vụ bình quân tăng từ 0,78 triệu USD năm 2010 lên 10,0 triệu USD vào năm 2020.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 21,44%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015 tăng 23,92%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng 19,49%/năm. Giá trị xuất khẩu tăng từ 120,78 triệu USD năm 2010 lên 353,0 triệu USD vào năm 2015 và 860,0 triệu USD vào năm 2020, gấp 7,12 lần so với năm 2010.

2. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu:

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu giai đoạn 2011-2020 được xác định: nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sẽ chiếm 67,48% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 25,93%, các mặt hàng khác chiếm 6,58%. Trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản mặt hàng thủy sản và hạt điều vẫn giữ vai trò chủ lực.

Phát triển mặt hàng chủ lực của tỉnh: có những chuyển dịch đáng kể thay đổi vai trò của các mặt hàng chủ lực, đó là sự tăng trưởng của hàng thủy sản, sự hạn chế gia tăng của mặt hàng điều và khả năng mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu của các mặt hàng thuộc nhóm công nghiệp, cụ thể là:

- *Giai đoạn 2011-2015:* Tập trung vào các mặt hàng xuất khẩu có lợi thế sẵn có về tài nguyên và lao động, như: Hạt điều, thủy sản, tinh bột sắn, dệt may, sản phẩm gỗ, thủ công mỹ nghệ, cao su...

- *Giai đoạn 2016-2020:* Bên cạnh phát triển xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế, cần phải mở rộng và phát triển mạnh các mặt hàng sử dụng lao động trình độ cao và công nghệ tiên tiến như: đồ điện gia dụng, lắp ráp điện tử, chế tạo máy móc, cơ khí, chế biến thực phẩm, v.v...

III. Định hướng phát triển xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ

1. Định hướng phát triển mặt hàng xuất khẩu:

1.1. Xuất khẩu hàng hóa:

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt mức 21,38%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015 tốc độ tăng trưởng 23,90%/năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 350,0 triệu USD, giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng trưởng 19,40%/năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 850,0 triệu USD vào năm 2020.

Tăng trưởng xuất khẩu chung của tỉnh trong thời gian tới là: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sẽ có xu hướng tăng mạnh trong những năm đầu và xu hướng tăng dần với biên độ thấp ở vào giai đoạn cuối; nhóm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sẽ có xu hướng tăng do có nhiều điều kiện để mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng nhờ đổi mới công nghệ.

a) Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản:

- **Mặt hàng thủy sản:** kim ngạch xuất khẩu thủy sản dự kiến đạt 92,0 triệu USD vào 2015 và đạt 341,3 triệu USD năm 2020. Tập trung phát triển mạnh các vùng nuôi công nghiệp, áp dụng công nghệ tăng năng suất và chất lượng. Tổ chức tốt hệ thống phân phối, thu mua nguyên liệu nhằm thu hút nguồn nguyên liệu để phục vụ cho chế biến xuất khẩu.

- **Mặt hàng hạt điều:** Đây là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh đến năm 2015. Dự kiến năm 2015 kim ngạch xuất khẩu đạt 132,5 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 2011-2015 là 10%/năm, đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt 204,0 triệu USD, tăng 9,0%/năm giai đoạn 2016-2020.

- **Mặt hàng tinh bột sắn:** Cây sắn đóng vai trò chủ đạo trong cây công nghiệp ngắn ngày của tỉnh, đã hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, sản lượng thu hoạch hàng năm rất lớn, đủ cung cấp cho các nhà máy sản xuất và chế biến trên địa

bàn tính. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 3,7 triệu USD, tăng 20%/năm giai đoạn 2011-2015 và đạt khoảng 8,5 triệu USD năm 2020 tăng 18%/năm giai đoạn 2016-2020.

- Mặt hàng thịt chế biến: Tích cực gọi vốn đầu tư nhà máy chế biến súc sản đông lạnh với công suất 5.000 - 10.000 tấn sản phẩm/năm. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu khoảng 7,8 triệu USD vào 2020, tốc độ tăng bình quân 21%/năm vào giai đoạn 2016-2020.

- Mặt hàng cao su: Dự kiến đến năm 2020 mở rộng diện tích cao su 10.000 ha và kim ngạch xuất khẩu đạt 4,0 triệu USD, trước mắt xuất khẩu cao su dưới dạng thô.

b) Nhóm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

- Mặt hàng dệt may: Dự kiến đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt 133,0 triệu USD với tốc độ tăng trưởng bình quân 32,07%/năm cho cả giai đoạn 2011-2020.

- Mặt hàng gỗ: dự kiến kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 7,6 triệu USD vào năm 2015 và 23,0 triệu USD vào năm 2020, khuyến khích các cơ sở sản xuất các sản phẩm gỗ xuất khẩu tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến để nâng cao giá trị sản phẩm đáp ứng thị trường nhập khẩu.

- Hàng thủ công mỹ nghệ: Đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị và công nghệ phục vụ yêu cầu sản xuất nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường xúc tiến thương mại. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 25,0 triệu USD.

- Mặt hàng cà phê chế biến: Dự kiến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến đạt 5,2 triệu USD, kêu gọi đầu tư nhà máy chế biến cà phê hòa tan với công suất 1.000 -2.000 tấn/năm.

- Sản phẩm sau tinh bột sắn: Đây là những sản phẩm có giá trị gia tăng cao như: đường dinh dưỡng, bột biến tính... dự kiến đến năm 2020 kim ngạch đạt khoảng 5,4 triệu USD.

- Chế biến khoáng sản: Bao gồm bột trợ lọc chế biến từ diatomit, vàng, đá ốp lát,... dự kiến năm 2015 đạt 15,7 triệu USD, năm 2020 đạt 34,8 triệu USD. Tạo điều kiện thuận lợi để nhà máy sản xuất bột trợ lọc công suất 2.500-5.000 tấn/năm sớm đưa vào hoạt động. Khai thác và chế biến vàng theo quy mô phù hợp với công nghệ hiện đại, đưa năng lực khai thác, chế biến vàng đạt 300-500 kg/năm. Đầu tư mới và mở rộng các nhà máy sản xuất đá ốp lát, đá mỹ nghệ, phấn đầu đến 2020 tổng năng lực sản xuất đạt 1 triệu m² sản phẩm các loại/năm.

- Đồ điện gia dụng, hàng điện tử lắp ráp: Dự kiến kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 3,5 triệu USD vào năm 2015 và đạt 8,0 triệu USD vào năm 2020, tăng bình quân 18%/năm.

- Máy móc, cơ khí: Dự kiến kim ngạch xuất khẩu máy móc cơ khí sẽ đạt 4,1 triệu USD vào năm 2015 và đạt 9,4 triệu USD vào năm 2020, tăng bình quân là 18%/năm.

1.2. Xuất khẩu dịch vụ:

Dự kiến kim ngạch xuất khẩu dịch vụ đạt 3,0 triệu USD vào năm 2015 và 10,0 triệu USD vào năm 2020, tốc độ tăng là 28,5%/năm trong giai đoạn 2011-2020, chủ yếu là các loại hình dịch vụ sau: du lịch, xuất khẩu lao động, dịch vụ tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông.

2. Định hướng phát triển thị trường xuất khẩu:

Mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, củng cố và phát triển các thị trường đã có và tìm kiếm thêm các thị trường, bạn hàng mới, giảm xuất khẩu qua các thị trường trung gian.

a) Khu vực châu Á: thị trường trọng điểm tại khu vực này sẽ là Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và các nước ASEAN.

- Nhật Bản: là thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn của Việt Nam cũng như Phú Yên. Thị trường này hàng năm nhập khẩu một lượng khá lớn hàng thủy sản, dệt may và một số mặt hàng khác từ Việt Nam. Dự kiến trong giai đoạn tới, Nhật Bản vẫn sẽ là bạn hàng chính và thị trường xuất khẩu quan trọng của tỉnh.

- Trung Quốc, Đài Loan: là thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản thực phẩm của Việt Nam. Đây là thị trường xuất khẩu hàng thủy sản, nông sản (hạt điều, tinh bột sắn, thủy sản, v.v...) của Phú Yên.

- Hàn Quốc: là một trong những thị trường nhập khẩu thủy sản chính của Việt Nam với mức tiêu thụ trung bình khoảng 7.300 tấn tôm/năm. Đây là thị trường còn giàu tiềm năng đối với mặt hàng thủy sản mà chủ yếu là tôm.

- ASEAN: là một thị trường khá lớn, với 577 triệu dân (2008), ở sát Việt Nam và nước ta là một thành viên. Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) đã hoàn thành việc cắt giảm thuế. Điều này có lợi cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói chung, tỉnh Phú Yên nói riêng sang Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan.

b) Khu vực châu Âu: chủ yếu là thị trường EU (Đức, Anh, Pháp và Italia) Nga, nhập khẩu chủ yếu các mặt hàng đồ gỗ, may mặc, nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản thực phẩm. Đây là thị trường có luật lệ phức tạp, nghiêm ngặt, đòi hỏi hàng hóa chất lượng cao và đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Các doanh nghiệp Phú Yên cần phải tăng cường thu thập thông tin, chú trọng nâng cao chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm.

c) Khu vực Bắc Mỹ: trọng tâm là thị trường Mỹ - đây là nước nhập khẩu lớn nhất thế giới. Hàng năm, Mỹ nhập khẩu một khối lượng lớn hàng Việt Nam như thủy hải sản, hàng giày dép, dệt may, điều nhân, chè, sản phẩm gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ, v.v... Đặc biệt là thủy sản, nhưng đối thủ cạnh tranh nhiều và các quy định, luật lệ rất phức tạp, nên cần phải tìm hiểu thông tin về thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu.

d) Khu vực châu Đại Dương: thị trường chủ yếu là Australia và Newzealand. Hàng năm có nhu cầu nhập khẩu một khối lượng lớn hàng nông, thủy sản. Hàng xuất khẩu của tỉnh vào thị trường này chủ yếu là hạt điều nhân, hải sản, kính panô xây dựng.

đ) Khu vực Trung Đông và châu Phi: chủ yếu là thị trường Ai Cập, nhu cầu tiêu thụ hải sản tại Ai Cập rất lớn, thị trường Ai Cập là điểm trung chuyển để đưa hàng hóa thâm nhập sang các nước khác trong khu vực.

IV. Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư:

Mở rộng các dự án đầu tư theo nhiều hình thức, đa dạng các hình thức tạo vốn, nhất là nguồn vốn trong nhân dân và trong các thành phần kinh tế; tạo môi trường thu hút ngoại lực, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút vốn từ các thành phần kinh tế. Hỗ trợ các nhà đầu tư hiện đang triển khai tốt các dự án đã đăng ký đầu tư, giải quyết kịp thời những khó khăn để các doanh nghiệp hoạt động thuận lợi, hiệu quả.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

- Phát triển thêm nhiều loại hình đào tạo, đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh tăng lên, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các chương trình, dự án đầu tư phát triển xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của tỉnh trong những năm tới.

- Gắn đào tạo nghề với việc phát triển trung tâm dịch vụ giới thiệu việc làm để giúp cho người lao động lựa chọn đúng ngành, đúng nghề đưa lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu.

- Tăng cường đào tạo công nhân kỹ thuật, lành nghề để sử dụng thành thạo các máy móc thiết bị công nghệ cao, các phương tiện kỹ thuật hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh và tham gia xuất khẩu.

- Nâng cao trình độ về nghiệp vụ xuất nhập khẩu, ngoại ngữ, tin học, am hiểu luật pháp quốc tế, tập quán của các nước, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập. Phát triển đội ngũ công nhân lành nghề bằng cách gửi đi đào tạo tại các trung tâm đào tạo hoặc thông qua chương trình hợp tác lao động với nước ngoài.

3. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ:

- Gắn các hoạt động nghiên cứu với các hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn. Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận trong việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất và kinh doanh của tỉnh.

- Xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng khoa học và công nghệ tại một số địa bàn thí điểm, nâng cao năng lực tiếp thu khoa học và công nghệ. Thu hút các chuyên gia giỏi đầu ngành gắn với chuyển giao các chương trình, dự án khoa học, kỹ thuật trên địa bàn tỉnh. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm để hình thành các doanh nghiệp nòng cốt, vững mạnh, đủ điều kiện hội nhập.

4. Các giải pháp về vùng nguyên liệu:

- Từng bước hình thành các trang trại quy mô lớn, các hợp tác xã kiểu mới và các vùng chuyên canh khép kín, như vậy mới có điều kiện để sử dụng công nghệ tiên tiến, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật và tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đồng nhất, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lớn.

- Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp sản xuất chế biến hàng xuất khẩu với các cơ sở sơ chế, thu mua nguyên liệu và với hộ nông dân, trang trại, cơ sở nuôi trồng sản xuất ra nguyên liệu, trong đó có sự tham gia quản lý của nhà nước để tạo điều kiện phát triển vùng nguyên liệu ổn định và thiết lập kênh phân phối bền vững từ các nhà sản xuất ra nguyên liệu đến nhà sản xuất chế biến hàng xuất khẩu.

- Xây dựng phát triển các vùng nguyên liệu tập trung theo quy hoạch đối với các loại cây công nghiệp ngắn ngày: mía, sắn,... các cây công nghiệp dài ngày: điều, dừa, cao su...; các vùng nguyên liệu gia súc; nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn, nhằm tạo nguồn nguyên liệu hàng hóa tập trung có năng suất và chất lượng cao để phục vụ cho công nghiệp chế biến.

- Xây dựng các nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu, đồng thời tạo sự phát triển bền vững vùng nguyên liệu. Thực hiện tốt mối liên kết bốn nhà: Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông.

5. Các giải pháp về thị trường xuất khẩu:

- Về phía các cơ quan quản lý của tỉnh: Thông tin đầy đủ các văn bản, nghị định, cơ chế và chính sách liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu tới các doanh nghiệp, đặc biệt là tạo môi trường pháp lý thông thoáng để các doanh nghiệp phát huy mọi khả năng sáng tạo trong việc phát triển thị trường xuất khẩu. Cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài nước, giúp các doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm phù hợp với từng thị trường. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu thành lập Quỹ hỗ trợ xúc tiến thương mại để giúp các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát tìm kiếm thị trường...

- Về phía doanh nghiệp: Nắm bắt kịp thời chính sách của nhà nước để tận dụng những ưu đãi về giảm thuế, điều chỉnh sản xuất, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, tham dự các hội thảo, chương trình đào tạo ở nước ngoài, qua đó mở rộng thị trường xuất khẩu. Chủ động xây dựng chiến lược phát triển mặt hàng và chiến lược phát triển thị trường phù hợp. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, chuyên môn cao, thông thạo ngoại ngữ và luật pháp quốc tế, để tiếp cận được các phương thức kinh doanh mới, hiện đại phù hợp với thị trường thời kỳ hội nhập.

6. Các giải pháp về phát triển mặt hàng xuất khẩu:

Trong chiến lược phát triển xuất khẩu hàng hóa, đối với những mặt hàng chủ lực, những mặt hàng xuất khẩu có lợi thế, những mặt hàng đang được hưởng những điều kiện ưu đãi do hội nhập kinh tế toàn cầu, kinh tế khu vực đưa lại. Do đó, cần phải có giải pháp phát triển cụ thể cho từng mặt hàng, nhóm hàng.

* **Nhóm hàng chủ lực:**

- **Mặt hàng thủy sản:** được coi là mặt hàng có thế mạnh của tỉnh, đồng thời cũng là một trong những mặt hàng có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Vì vậy cần phải: tổ chức tốt công tác hậu cần phục vụ đánh bắt xa bờ, tăng năng suất và hiệu quả nuôi trồng thủy sản; đa dạng hóa các sản phẩm thủy sản xuất khẩu, tăng hàm lượng chế biến xuất khẩu, giảm thủy sản xuất khẩu ở dạng thô. Đổi mới, hiện đại hoá

công nghệ, kỹ thuật chế biến; đầu tư xây dựng các kho dự trữ, bảo quản nguyên liệu. Mở rộng thị trường tiêu thụ. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thủy sản có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như cá ngừ đại dương, tôm hùm.

- **Mặt hàng điều:** Hiện nay điều là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn của tỉnh, có thị trường xuất khẩu, nhưng nguồn nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy và cơ sở chế biến còn thiếu. Vì vậy, cần có những giải pháp, đó là: rà soát lại diện tích trồng điều trên địa bàn tỉnh, áp dụng khoa học công nghệ vào trồng điều, tạo nguồn nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến; đa dạng hóa kết hợp nâng cao chất lượng sản phẩm, tận dụng các phụ phẩm từ cây điều, quan tâm đến công tác xúc tiến thương mại để tìm kiếm thị trường mới.

- **Tinh bột sắn:** đây là những mặt hàng sản xuất theo vùng chuyên canh gắn với nhà máy chế biến, sản lượng lớn đủ cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy trong tỉnh. Để đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này, cần thực hiện những giải pháp: tổ chức duy trì tốt vùng nguyên liệu tập trung hiện có với năng suất, trữ lượng cao để phát huy tốt năng lực sản xuất của các nhà máy hiện có; đầu tư vào một số lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ đường, sản xuất các sản phẩm từ bã mía...

- **Hàng dệt may:** tạo điều kiện để các cơ sở may công nghiệp hiện có đầu tư mở rộng dây chuyền, hiện đại hóa thiết bị, chuyển dần hình thức may gia công sang sản xuất các sản phẩm có thương hiệu đáp ứng được nhu cầu của thị trường xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư nhà máy sản xuất nguyên, phụ liệu ngành may mặc, nhà máy sơ chế bông.

- **Mặt hàng gỗ và thủ công mỹ nghệ:** tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm gỗ; phát triển nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ như: chạm trổ, khảm xà cừ, điêu khắc...

* **Nhóm mặt hàng công nghiệp có giá trị gia tăng cao:** Nhóm hàng này đòi hỏi nguồn vốn lớn, sử dụng lao động trình độ cao, công nghệ tiên tiến và hàm lượng chế biến sâu.

- **Mặt hàng cơ khí chế tạo, máy móc:** khuyến khích mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia phát triển ngành. Nhanh chóng đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, đồng thời tận dụng và phát huy các công nghệ thích hợp sử dụng nhiều lao động; khuyến khích các cơ sở đẩy nhanh đổi mới thiết bị, công nghệ, tăng thêm năng lực sản xuất, tiến tới tham gia xuất khẩu.

- **Mặt hàng điện tử lắp ráp:** Khuyến khích đầu tư nhà máy sản xuất linh kiện điện tử và lắp ráp sản phẩm điện tử gia dụng. Xây dựng chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của mặt hàng điện tử và linh kiện xuất khẩu, chuyển từ chiến lược thay thế nhập khẩu sang chiến lược xúc tiến xuất khẩu. Cần đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác, liên doanh giữa các công ty đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp điện tử của tỉnh để phát huy nội lực, tiến tới làm chủ hoàn toàn sản phẩm, tham gia xuất khẩu.

- **Ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản:** Tích cực kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản với quy mô hợp lý nhằm tăng nhanh sản lượng, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm,

tăng cường khâu chế biến sâu để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, tham gia xuất khẩu. Đẩy mạnh khai thác chế biến các loại nguyên liệu khoáng sản có giá trị kinh tế cao như sản phẩm từ diatimite, fluorit, vàng...

7. Các giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ xuất khẩu của tỉnh

- Cơ chế và chính sách chung cho phát triển xuất khẩu: Có kế hoạch đầu tư phát triển cho cụm, điểm công nghiệp, làng nghề, khu sản xuất chế biến, gia công hàng xuất khẩu; tiếp tục nghiên cứu, kịp thời hiệu chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu; tăng cường hướng dẫn cụ thể, chi tiết văn bản, nghị định, hiệp định thương mại tới người sản xuất, doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ; chính sách ưu đãi đối với lao động có trình độ chuyên môn cao làm việc tại tỉnh; đơn giản các thủ tục có liên quan đến thuê đất, cấp phép xây dựng, vay vốn,... để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu của tỉnh.

- Các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu: Hỗ trợ các nhà sản xuất, xuất khẩu vượt qua các rào cản trong thương mại; đưa việc phát triển các doanh nghiệp xuất khẩu vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu đổi mới kỹ thuật công nghệ kinh doanh. Kiện toàn hệ thống dịch vụ để cung cấp dịch vụ thông tin, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu của tỉnh.

8. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm

Xây dựng thương hiệu những mặt hàng chủ lực; trong sản xuất áp dụng công nghệ phù hợp, vừa đảm bảo tạo ra các sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường, vừa có chi phí sản xuất thấp; đầu tư cho giai đoạn nghiên cứu để nắm bắt xu hướng thay đổi nhu cầu của thị trường, đồng thời nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm có hàm lượng gia tăng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường đòi hỏi; đầu tư áp dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu để giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại để quảng bá sản phẩm.

9. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

- Các doanh nghiệp cũng cần xây dựng cho mình chiến lược mở rộng liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với nhau; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hóa và công nghiệp hóa.

- Sắp xếp, hợp lý hóa quy trình sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh; đẩy mạnh mối liên kết giữa người sản xuất - cung cấp nguyên, vật liệu đầu vào với doanh nghiệp và các cơ quan nghiên cứu khoa học, nhằm tổ chức hiệu quả chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất nguyên, vật liệu đầu vào đến khâu tổ chức sản xuất hiệu quả.

10. Giải pháp phát triển ngành dịch vụ du lịch

- Tổ chức các hoạt động kêu gọi đầu tư, thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế nhằm giới thiệu các chính sách, pháp luật, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư mới của Phú Yên.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch; đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính tại các cơ quan có liên quan đến quá trình cấp phép đầu tư.

- Tập trung đào tạo và mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ như: Quản lý khách sạn, buồng, bàn, lễ tân, đầu bếp cho các đơn vị, cơ sở phục vụ du lịch; tập trung triển khai thực hiện các dự án du lịch lớn trên địa bàn tỉnh.

11. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- **Về phía nhà nước:** tuyên truyền, phổ biến các quy định và tiêu chuẩn môi trường quốc tế cho các nhà quản lý và doanh nghiệp; khuyến khích nhập khẩu các máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại; chính sách khuyến khích thành lập và phát triển các doanh nghiệp có quá trình sản xuất thân thiện với môi trường thông qua việc vay vốn, hỗ trợ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14000; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lập và thẩm định đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- **Về phía các doanh nghiệp:** Hàng năm, các doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường; cải tiến, nâng cao kỹ thuật của các trang thiết bị xử lý chất thải góp phần hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường; nghiên cứu khả năng chuyển đổi sang dùng các loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường; cải tiến công nghệ, xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý chất thải; nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động khi thực hiện dự án như đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút, đào tạo và sử dụng lao động địa phương, có biện pháp chủ động bảo vệ môi trường sinh thái và tích cực tham gia cải thiện môi trường xã hội.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

- Có trách nhiệm tổ chức công bố Chiến lược theo đúng quy định.

- Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của Chiến lược thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch của ngành theo từng kỳ 5 năm, hàng năm.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu; tăng cường công tác phổ biến cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, sản phẩm hàng hóa xuất khẩu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tiếp tục hoàn thiện chính sách, cơ chế đầu tư, cân đối vốn cho đầu tư phát triển, kê cả vốn quy hoạch ngành theo hướng tạo nguồn hàng xuất khẩu và xác định các dự án ưu tiên, tích cực gọi vốn đầu tư.

3. Ban quản lý Khu kinh tế: chủ trì, phối hợp, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp, đồng thời tích cực giới thiệu quảng bá gọi vốn đầu tư.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp tạo thuận lợi cho việc cấp đất, giải tỏa đền bù đối với các dự án đầu tư sản xuất được duyệt, chú trọng bảo vệ, xử lý môi trường trong quá trình phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu.

5. Sở Xây dựng: chủ trì, phối hợp tạo thuận lợi trong việc thẩm định thiết kế kỹ thuật, cấp phép xây dựng và giám sát xây dựng theo quy hoạch.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: xác định cây, con để đầu tư tập trung, tạo vùng nguyên liệu cho sản xuất. Coi nuôi trồng, đánh bắt, chế biến hải sản là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Trước hết quy hoạch và quản lý tốt các vùng nuôi trồng thủy sản đến năm 2020. Dịch vụ hậu cần phục vụ nghề cá.

7. Ngành Ngân hàng: cần hình thành nguồn vốn tín dụng hỗ trợ xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi về vốn cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: xây dựng các đề án phát triển du lịch, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng, cơ hội và các cơ chế chính sách phát triển du lịch của tỉnh để thu hút nhà đầu tư và khách du lịch trong nước và ngoài nước nhằm đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

9. Các Sở: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Liên minh Hợp tác xã, Giao thông vận tải và UBND huyện, thị xã, thành phố: theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các mục tiêu của chiến lược, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lộc